TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 43/2022/HS-PT
Ngày 10 - 6 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thanh;

Ông Vũ Văn Mạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Đức Hậu, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Mầu Mai Quyên, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2022/TLPT- HS ngày 19 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo Bùi Ngọc T và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2021/HS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bùi Ngọc T, sinh ngày 28/01/1986; tại tổ 6, phường B, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Tổ 6, phường B, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thúy B; Có vợ là Vũ Thị Như Q và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Quang A, sinh ngày 18/11/1991; tại tổ dân phố L, phường C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: tổ dân phố L, phường C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Quang T1 và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị C và có 02 con; Tiền án: Không; Có 01 tiền sự: Ngày 27/4/2020 Ủy ban nhân dân phường V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 219/QĐ – XPVPHC đối với Bùi Quang A

về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, mức phạt 2.500.000đồng, đã nộp phạt ngày 23/6/2020.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn R, sinh ngày 17/10/1982; tại tổ dân phố M, phường V, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường V, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Chu Thị H; có vợ là Nguyễn Thị H và có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Quang H, sinh ngày 24/4/1985; tại tổ 2, phường G, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Tổ 2, phường G, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân V và bà Phạm Thị L; có vợ là Hoàng Thị Thu P và có 02 con. Tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự, cụ thể: Công an huyện O, thành phố Hà Nội ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 346/QĐ – XPVPHC ngày 27/10/2020 đối với Nguyễn Quang H về hành vi đánh bạc, mức phạt 1.500.000đồng, đã nộp phạt ngày 10/11/2020.

- Quá trình hoạt động bản thân:

+ Ngày 10/01/2006 bị Công an huyện I, thành phố Hà Nội ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, mức phạt 100.000đ, đã nộp phạt ngày 13/6/2006, đã được xóa.

+ Ngày 11/5/2005 bị Ủy ban nhân dân thị xã P ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số: 461/QĐ – CT, thời hạn 24 tháng kể từ ngày đưa vào cơ sở cai nghiện (Ngày 09/2/2006 vào trung tâm), tại Trung tâm giáo dục lao động xã hội thuộc sở lao động TB và XH tỉnh Vĩnh Phúc, đến ngày 13/6/2007 Hoàn bỏ trốn khỏi trung tâm nên Trung tâm ra quyết định truy tìm số: 98/QĐ – TTGDLĐXH 14/6/2007, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 11/8/2007 thì Hoàn được đưa về trung tâm; Đến ngày 13/9/2007 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P khởi tố bị can, bắt tạm giam về tội Trộm cắp tài sản nên đã Quyết định đưa H ra khỏi trung tâm để thực hiện lệnh bắt tạm giam. Đã được xóa.

+ Ngày 13/11/2007, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 70/2007/HS - ST, Tòa án nhân dân thị xã P xử phạt Nguyễn Quang H 15 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/12/2008 và thi hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm tháng 02 năm 2009. Đã được xóa án.

+ Ngày 11/3/2010, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2010/HS - ST, Tòa án nhân dân thị xã P xử phạt Hoàn 1 năm 6 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/01/2011, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 03/6/2010. Đã được xóa án.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn U, sinh ngày 25/11/1976; tại tổ 1, phường D, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Tổ 1, phường D, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Vũ Kim H và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

- Quá trình hoạt động bản thân:

+ Ngày 18/5/2006 Ủy ban nhân dân thị xã P ra Quyết định số 674/QĐ – CT đưa đối tượng nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại trung tâm Giáo dục lao động xã hội tỉnh Vĩnh Phúc thời gian 24 tháng, chấp hành xong ngày 20/11/2009.

+ Quyết định số 03/QĐ – TA ngày 08/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, Vĩnh Phúc đưa U vào cơ sở giáo dục bắt buộc thời hạn 24 tháng về hành vi cố ý gây thương tích, chấp hành xong ngày 16/9/2016.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

- *Các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:* Nguyễn Trung S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bận công việc không có nhà nên chị Nguyễn Thị Minh N nhờ em ruột là Nguyễn Văn U, trú tại tổ 1, phường D, thành phố P đến trông và quản lý nhà của chị N tại tổ 6, phường D, thành phố P. Sau khi được chị N nhờ trông nhà giúp, U đã nuôi gà chọi và cho người khác đem gà đến đá.

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 16/01/2021, Bùi Ngọc T đem theo 01 con gà trống chọi có màu lông đỏ (Gọi là gà tía) đến nhà của chị N nơi U đang quản lý, trông giữ. Tại đây T gặp và hỏi Nguyễn Quang H có biết ai có gà cùng trạng (cùng hạng cân) để đá với gà của T không. H trả lời biết Bùi Quang A có gà. Sau đó, H gọi điện cho A thống nhất đến chiều ngày 16/01/2021 A sẽ đem gà của mình đến đá với gà của T tại nhà chị N do U trông giữ. Khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, T mang gà đến sới gà của U rồi gọi điện bảo A đem gà đến để

đá, A đồng ý. A gọi điện rủ Nguyễn Hữu C đi xem đá gà, C đồng ý và C rủ thêm Nguyễn Văn M . Sau đó, C điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, BKS: 88A – 266.73 chở M và Tạo đem theo 01 con gà trống chọi có màu lông đen (Gọi là gà ô) đến sới gà của U. Tại sới gà, T gọi điện cho Nguyễn Trung S đến cấy và chải cánh gà. T và A hỏi U cho đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đá gà tại nhà ở của chị N nơi U đang quản lý, U đồng ý và chuẩn bị 01 cân đồng hồ nhãn hiệu Nhơn Hòa, màu xanh loại 5kg để cho T và A cân trọng lượng 02 con gà và 01 đồng hồ treo tường để tính thời gian. Sau khi cân gà xong (mỗi con 3,2kg). T và A thỏa thuận cách thức đánh bạc như sau:

T và A cho 02 con gà vào trong sới đá nhau để T và A đánh bạc ăn tiền với nhau và để cho các đối tượng khác tự đặt tiền cược đối với con gà ô hoặc con gà tía. Mỗi một trận đá gà kéo dài 20 phút (gọi là 01 hồ), sau 20 phút thì gà sẽ được cho ra nghỉ 05 phút rồi tiếp tục cho gà đá tiếp cho đến khi xác định con gà nào thắng, con gà nào thua thì kết thúc. Trong quá trình 02 con gà đá nhau, các đối tượng sẽ tự thỏa thuận với nhau về số tiền đặt cược và tỷ lệ đặt cược, trong đó một người có thể đặt cược tiền đánh bạc với nhiều người và việc đặt cược tiền này sẽ được các đối tượng tự thỏa thuận với nhau bằng miệng hoặc ghi lại vào sổ, điện thoại để theo dõi chờ đến khi có kết quả thắng, thua thì sẽ thanh toán số tiền thắng, thua tương ứng số tiền đã thỏa thuận đặt cược với nhau trước đó. Con gà tía thắng khi con gà ô bỏ chạy và cất tiếng kêu hoặc ngược lại.

Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, nhiều đối tượng đến nhà T để đánh bạc bằng hình thức chọi gà và xem đá gà gồm: Nguyễn Anh D , sinh năm 1978; Nguyễn Vũ H , sinh năm 1981; Nguyễn Văn D (tên khác A1), sinh năm 1963; Nguyễn Hải Q , sinh năm 1981; Nguyễn Thành L , sinh năm 1985; Nguyễn Đức H , sinh năm 1996 và Phạm Tiến L , sinh năm 1983; Trần Mạnh H , sinh năm 1987; Nguyễn Ngọc Á sinh năm 1984; Nguyễn Đức T , sinh năm 1984; Nguyễn Đăng C , sinh năm 1992; Nguyễn Văn R, sinh năm 1982; Nguyễn Văn K , sinh năm 1987; Hoàng Văn T2 , sinh năm 1995; Nguyễn Văn Đ , sinh năm 1959; Dương Phương T , sinh năm 1970; Nguyễn Văn K , sinh năm 1987; Nguyễn Tuấn A1; Nguyễn Thanh T , sinh năm 1979 và Đỗ Văn B, sinh năm 1975.

Con gà trống tía của T đá với con gà ô của A, có nhiều người tham gia hô hào và cá cược được thua bằng tiền. Các đối tượng đang đánh bạc đến khoảng 18 giờ 50 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Công an kiểm tra phát hiện, thu giữ toàn bộ vật chứng liên quan. Trong đó xác định cụ thể như sau:

1. Bùi Ngọc T là chủ gà Tía, trực tiếp tham gia cá cược với nhiều người và thỏa thuận miệng tiền cược, cụ thể:

- Tiến cá cược gà tía thắng với số tiền đánh bạc, cụ thể:

+ T góp 1.000.000đồng cùng với Nguyễn Trung S , Nguyễn Quang H, Nguyễn Đức H và Nguyễn Vũ H mỗi người góp 500.000đồng, để được số tiền 3.000.000đồng rồi T đặt 3.000.000đồng ăn 3.000.000đồng với Bùi Quang A;

+ Tiến góp 2.000.000đồng, Nguyễn Trung S góp 2.000.000đồng để được số tiền 4.000.000đồng rồi T đặt 4.000.000đồng ăn 10.000.000đồng với Nguyễn Văn R và Bùi Quang A.

- Tiến cá cược gà ô thắng và cá cược tiền đánh bạc, cụ thể:

+ Tiến đặt cược số tiền 1.000.000đồng ăn 700.000đồng với Nguyễn Trung S .

Khi tham gia đánh bạc, T đem theo số tiền là 1.000.000đồng, sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Tổng số tiền T tham gia cá cược là 8.000.000 đồng. Số tiền thực tế đánh bạc là 4.000.000đồng.

2. Bùi Quang A là chủ gà ô, quá trình đánh bạc, A thỏa thuận miệng cá cược tiền đánh bạc như sau:

- A cá cược gà ô thắng với số tiền, cụ thể:

+ A đặt cược số tiền 3.000.000đồng ăn 3.000.000đồng với Bùi Ngọc T;

+ A góp số tiền 5.000.000đồng, Nguyễn Văn R góp 5.000.000đồng được 10.000.000đồng, rồi R nhận đặt cược 10.000.000đồng ăn 4.000.000đồng với Bùi Ngọc T;

+ A đặt cược số tiền 2.000.000đồng ăn 1.400.000đồng với Nguyễn Văn R;

Khi tham gia đánh bạc, A đem theo số tiền là 3.000.000đồng, sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Tổng số tiền A tham gia đặt cược là 15.000.000 đồng. Số tiền thực tế đánh bạc là 10.000.000đồng.

3. Nguyễn Văn R cá cược tiền đánh bạc với nhiều người, R ghi vào sổ nội dung và tên những người cá cược, cụ thể:

- R nhận cá cược gà ô thắng với số tiền, cụ thể:

+ R góp 5.000.000đồng, A góp 5.000.000đồng được 10.000.000 đồng, rồi R nhận cá cược 10.000.000đồng ăn 4.000.000đồng với T;

+ R đặt 1.000.000đồng ăn 700.000đồng với Nguyễn Quang H;

+ R đặt 1.000.000đồng ăn 400.000đồng với Nguyễn Quang H;

- R đặt cược gà tía thắng với số tiền đánh bạc, cụ thể:

+ R đặt 1.400.000đồng ăn 2.000.000đồng với Bùi Quang A;

+ R đặt 700.000đồng ăn 1.000.000đồng với Nguyễn Văn M;

+ R đặt 1.000.000đồng ăn 600.000đồng với Nguyễn Quang H;

+ R đặt 1.000.000đồng ăn 600.000đồng với Dương Phương T.

Khi tham gia đánh bạc, R đem theo số tiền là 10.200.000đồng, sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Tổng số tiền R tham gia cá cược là 16.100.000đồng. Số tiền thực tế R đánh bạc là 11.100.000đồng.

4. Nguyễn Quang H cá cược với nhiều người, thỏa thuận miệng số tiền cược cụ thể:

- H đặt cược gà tía thắng với số tiền đánh bạc, cụ thể:

+ Đặt 400.000 đồng ăn 1.000.000đồng với Nguyễn Văn R;

+ Đặt 700.000đồng ăn 1.000.000đồng với Nguyễn Văn R;

+ Đặt 500.000đồng ăn 1.000.000đồng với Nguyễn Trung S .

+ H cùng với Nguyễn Vũ H , Nguyễn Đức H , Nguyễn Trung S mỗi người góp 500.000đồng; Bùi Ngọc T góp 1.000.000đồng được 3.000.000đồng để T đặt cược 3.000.000đồng ăn 3.000.000đồng với Bùi Quang A.

- H đặt cược gà ô thắng với số tiền đánh bạc, cụ thể:

+ Đặt 600.000đồng ăn 1.000.000đồng với Nguyễn Văn R;

+ Đặt 500.000đồng ăn 500.000đồng với Nguyễn Văn M ;

+ Đặt 800.000đồng ăn 1.000.000đồng với Trần Mạnh H1.

Khi tham gia đánh bạc, H không đem theo tiền. Tổng số tiền H tham gia cá cược là 6.500.000đồng. Số tiền thực tế H đánh bạc 4.000.000đồng.

5. Nguyễn Văn U là người cho các đối tượng đánh bạc tại nhà ở nơi mình trực tiếp quản lý, trông giữ dưới hình thức đá gà, chuẩn bị cân đồng hồ để xác định trọng lượng gà, đồng hồ treo tường xác định thời gian đá gà. Là đồng phạm về tội đánh bạc. Quá trình điều tra xác định, U có tham gia cá cược gà tía thắng, U đặt 1.000.000đồng ăn 3.000.000đồng với Nguyễn Đức H1 , nhưng ngay sau đó H1 có việc bận ra về nên đã hủy kèo không chơi, không có căn cứ xác định việc cá cược nêu trên.

6. Nguyễn Trung S tham gia cá cược với nhiều người, S lưu lại trong trong điện thoại nhãn hiệu Samsung S8, màu xanh nội dung số tiền và tên những người cá cược, cụ thể:

- S đặt cược gà tía thắng với số tiền đánh bạc, cụ thể:

+ S đặt 700.000đồng ăn 1.000.000đồng với Nguyễn Văn M ;

+ S đặt 700.000đồng ăn 1.000.000đồng với Nguyễn Anh D ;

+ S đặt 500.000đồng ăn 1.000.000đồng với Đỗ Văn B ;

+ S cùng Nguyễn Vũ H , Nguyễn Đức H , Nguyễn Quang H mỗi người góp 500.000đồng với Bùi Ngọc T góp 1.000.000đồng được 3.000.000đồng để T đặt 3.000.000đồng ăn 3.000.000đồng với Bùi Quang A;

+ S và Bùi Ngọc T mỗi người góp 2.000.000đồng được 4.000.000đồng để T đặt 4.000.000đồng ăn 10.000.000đồng với Nguyễn Văn R và Bùi Quang A;

+ S cùng Nguyễn Ngọc Á mỗi người góp 350.000đồng được 700.000đồng để đặt 700.000đồng ăn 1.000.000đồng với Bùi Ngọc T.

- S đặt cược gà ô thắng với số tiền đánh bạc, cụ thể:

+ Đặt 800.000đồng ăn 1.000.000đồng với Phạm Tiến L;

+ Đặt 800.000đồng ăn 1.000.000đồng với Dương Phương T;

+ Đặt 1.000.000đồng ăn 500.000đồng với Nguyễn Quang H;

+ Đặt 1.000.000đồng ăn 1.000.000đồng với Nguyễn Đức T.

Khi tham gia đánh bạc, S đem theo số tiền là 630.000đồng, sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Tổng số tiền S tham gia cá cược là 13.200.000 đồng. Số tiền thực tế S đánh bạc là 8.350.000 đồng.

Quá trình điều tra xác minh đối với các đối tượng: Nguyễn Văn M , Phạm Tiến L, Trần Mạnh H, Nguyễn Vũ H, Nguyễn Đức H, Dương Phương T, Đỗ Văn B, Nguyễn Văn D, Nguyễn Anh D, Nguyễn Ngọc Á, Nguyễn Đức T có tham gia cá cược tiền đánh bạc với các bị cáo T, A, R, H, U và S. Tuy nhiên, tổng số tiền sử dụng đánh bạc của các đối tượng trên đều dưới 5.000.000đồng, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự về các tội quy định tại các Điều 321 và Điều 322 Bộ luật hình sự nên hành vi không cấu thành tội Đánh bạc, công an thành phố P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, từng đối tượng.

Ngoài ra đối với Nguyễn Hải Q, sinh năm 1981; Nguyễn Đăng C, sinh năm 1992; Nguyễn Văn K, sinh năm 1987; Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1959; Nguyễn Văn K, sinh năm 1987; Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1978; Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979; Nguyễn Hữu C, sinh năm 1992; Nguyễn Thành L, sinh năm 1985 và Hoàng Văn T, sinh năm 1995 chỉ xem đá gà, không cá cược tiền đánh bạc nên Cơ quan điều tra không đề cập việc xử lý.

Đối với chị Nguyễn Thị Minh N là chủ nhà nơi các đối tượng đánh bạc bằng hình thức đá gà. Quá trình điều tra xác định, chị N đã giao quyền quản lý ngôi nhà cho Nguyễn Văn U (em trai ruột) trông và quản lý, khi công an kiểm tra chị N không có ở nhà, không biết việc các đối tượng trên sử dụng nơi ở và tài sản của mình để đánh bạc ăn tiền nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Như vậy tổng số tiền các bị cáo phạm tội đánh bạc là: 37.450.000đồng, trong đó: T sử dụng 4.000.000đồng, A sử dụng 10.000.000đồng, R sử dụng 11.100.000đồng, S sử dụng 8.350.000đồng, H sử dụng 4.000.000đồng.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

- Thu giữ khi lập biên bản sự việc, tổng số tiền 32.220.000đồng gồm: Nguyễn Trung S 630.000đồng, Nguyễn Văn K 4.300.000đồng, Nguyễn Anh D 2.000.000đồng, Trần Mạnh H 2.400.000đồng, Nguyễn Hải Q 120.000đồng, Nguyễn Ngọc Á 1.700.000đồng, Nguyễn Văn M 220.000đồng, Nguyễn Văn R 10.200.000đồng, Nguyễn Thành L 400.000đồng, Nguyễn Vũ H 7.700.000đồng, Hoàng Văn T 50.000đồng, Nguyễn Văn U 2.500.000đồng.

- Thu giữ của các đối tượng và bị cáo tự nguyện nộp số tiền 5.370.000đồng gồm Bùi Ngọc T 1.000.000đồng, Bùi Quang A 3.000.000đồng, Nguyễn Đức T 1.000.000đồng, Nguyễn Đức H 70.000đồng, Đỗ Văn B 300.000đồng.

- Thu giữ của các đối tượng đã tự nguyện nộp và tạm giữ khi bị phát hiện, được tổng số tiền là: 20.260.000đồng, trong đó: Nguyễn Văn K 4.300.000đồng; Nguyễn Anh D 2.000.000đồng; Trần Mạnh H 2.400.000đồng, Nguyễn Hải Q 120.000đồng, Nguyễn Ngọc Á 1.700.000đồng, Nguyễn Văn M 220.000đồng, Nguyễn Thành L 400.000đồng, Nguyễn Vũ H 7.700.000đồng, Hoàng Văn T 50.000đồng, Nguyễn Đức T 1.000.000đồng, Nguyễn Đức H 70.000đồng, Đỗ Văn B 300.000đồng.

- 01 quyển sổ tay kích thước 10 x 15 cm bên trong sổ trang 1, 2 có ghi cá cược chọi gà của Nguyễn Văn R với các đối tượng khác, được chuyển theo hồ sơ vụ án.

- 01 cân đồng hồ nhãn hiệu Nhơn Hòa, màu xanh loại 5kg đã cũ và 01 đồng hồ treo tường nhãn hiệu AIA, không có mặt kính bị vỡ viền bao ở vị trí 2h, 3h. Quá trình điều tra xác định số tài sản trên đều là của chị Nguyễn Thị Minh N.

- 02 con gà trống chọi thu giữ tại xới gà (01 con lông tía và 01 con lông ô). Quá trình điều tra xác định gà trống chọi lông tía là của Bùi Ngọc T và gà chọi lông ô là của Bùi Quang A, các bị cáo sử dụng làm công cụ để đánh bạc.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, BKS: 88A – 266.73, màu nâu vàng. Quá trình điều tra xác định, xe ô tô trên thuộc sở hữu của anh Nguyễn Hữu C không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Tucson màu đen, BKS: 88A – 235.24. Quá trình điều tra xác định, chiếc ô tô trên là của anh Đỗ Văn B không sử dụng làm phượng tiện liên quan đến hành vi đánh bạc.

- 01 xe mô tô gắn biển kiểm soát: 88H9– 6886, SK: RLHHC 090X6Y479499; SM: HC09E6479496. Quá trình điều tra xác định, chiếc xe mô tô trên là tài sản của anh Nguyễn Hải Q không liên quan đến hành vi đánh bạc.

- 14 chiếc xe mô tô, cụ thể: 01 xe mô tô gắn BKS: 88H1 – 099.94 có SK: RLHHA0801AY377928, SM: HA08E1677960 của anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979; 01 xe mô tô gắn BKS: 88H1 – 215.01 có SK: RLHJA2705DY160143, SM: JA27E0067599 của ông Nguyễn Văn Đ; 01 xe mô tô gắn BKS: 29Z1 – 249.80, SK: RLHJF180484613264, SM: JF18E5214246 của anh Nguyễn Anh D; 01 xe mô tô gắn BKS: 30Z7 – 2309, SK: RLHJF1801AY130045, SM: JF27E0132754 của anh Nguyễn Văn K; 01 chiếc xe mô tô gắn BKS: 88H1 – 119.98, SK: RLHJF4601DY375212, SM: JF46E4291052 của Nguyễn Vũ H; 01 xe mô tô gắn BKS: 26D1 – 157.66, SK: RLHJF5803EY146941, SM: JF58E0147069 của anh Nguyễn Thành L; 01 chiếc xe mô tô gắn BKS: 88H1 – 287.61, SK: RLHJF6326HZ292182, SM: JF63E2350796 của anh Hoàng Văn T; 01 chiếc xe mô tô BKS: 88K3 – 2442, SK: B9509Y042604, SM: 5B95042610 của Nguyễn Ngọc Á; 01 chiếc xe mô tô gắn BKS: 88F1 – 5066, SK: RLHHA060XWY100270, SM: HA05E0100274 của ông Nguyễn Văn D; 01 xe mô tô gắn BKS: 30Z8 – 2886, SK: RLCS5C630AY297760, SM: 5C63297795 của anh Nguyễn Đức T; 01 xe mô tô gắn BKS: 88H1 – 261.61, SK: RLHJA3900HY246422, SM: JA39E0246466 của Bùi Ngọc T; 01 xe mô tô gắn BKS: 29Y8 – 2014, SK: 4440000010125, SM: 506309 của anh Trần Mạnh H; 01 xe mô tô gắn BKS: 88B1 – 226.11, SK: RLHJA390XHY117197, SM: JA39E0117220 của Nguyễn Trung S; 01 xe mô tô gắn BKS: 88H1 – 316.37, SK: RLHKF4208LY007747, SM: KF4250011905 thu giữ của Nguyễn Văn R.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S8, màu xanh, số Imei 1: 358059082223599, Imei 2: 358060082223597 của Nguyễn Trung S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu vàng gold, có số Imei: 353926104659981 của Trần Mạnh H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Joy3, màu xanh, có số Imei 1: 351726113952969, số Imei 2: 351726113952977 của Nguyễn Văn M.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A92, màu xanh có số Imei 1: 862251056432970, số Imei 2: 862251056432962 của Nguyễn Ngọc Á; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime, màu đen có số Imei 1: 353415088008001, số Imei 2: 353416088008009 của Nguyễn Anh D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus, màu đen có số Imei 1: 355838084324098 của Nguyễn Vũ H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4 màu tím, có số Imei 1: 352987104301678, số Imei 2: 352988104301676 của Nguyễn Văn U; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus, màu đen có số Imei 1:

355346085580668 của Hoàng Văn Th; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của Nguyễn Văn D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1920, màu đen, có số Imei 1: 863294049842797, số Imei 2: 863294049842789 của Nguyễn Văn K; 01 điện thoại di động Iphone 6Plus màu vàng, số Imei 1: 352066064768349 của Nguyễn Văn R.

- 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung không lên nguồn.

- 01 xe mô tô gắn BKS: 29S6 – 210.88; SK: RLHJF4212DY009791, SM: JF42E0009837 và 01 xe mô tô gắn BKS: 88F1 – 448.98, SK: RLGCA11DDAD001815, SM: VMVWADD001815.

- Đối với 03 chiếc điện thoại của bị cáo T, A, H sử dụng liên lạc để đánh bạc. Quá trình làm rõ khi bị Công an phát hiện T, A và H đã bỏ chạy và rơi mất điện thoại, hiện Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2021/HS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Ngọc T, Bùi Quang A, Nguyễn Văn R, Nguyễn Quang H, Nguyễn Văn U và Nguyễn Trung S phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bùi Ngọc T 11 (Mười một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Bùi Ngọc T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà Nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bùi Quang A 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Bùi Quang A số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Nguyễn Văn R 08 (Tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn R số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Nguyễn Quang H 08 (Tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Quang H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Nguyễn Văn U 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn U số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Ngày 23/11/2021 bị cáo Bùi Quang A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và xin hưởng án treo và nộp Quyết định về việc quân nhân xuất ngũ Tham gia nghĩa vụ quân sự 2010-2012.

Ngày 26/11/2021 bị cáo Nguyễn Văn R có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và xin hưởng án treo và nộp Bằng tổ quốc ghi công của ông Nguyễn Tiến Đ.

Ngày 29/11/2021 bị cáo Bùi Ngọc T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và xin hưởng án treo và nộp Giấy chứng nhận thương binh hạng ¾ mang tên Bùi Văn S.

Ngày 29/11/2021 bị cáo Nguyễn Quang H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và xin hưởng án treo.

Ngày 30/11/2021 bị cáo Nguyễn Văn U có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Quang A, Nguyễn Quang H và Nguyễn Văn U; căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Bùi Ngọc T và bị cáo Nguyễn Văn R sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2021/HS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Quang A 09 (Chín) tháng tù về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H 08 (Tám) tháng tù về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn U 07 (Bảy) tháng tù về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T 11 (Mười một) tháng tù

cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 10 (Mười) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội "Đánh bạc".

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn R 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội "Đánh bạc".

Giao bị cáo Bùi Ngọc T cho Uỷ ban nhân dân phường B, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; giao bị cáo Nguyễn Văn R cho Ủy ban nhân dân phường V thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Qua xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Ngọc T, Bùi Quang A, Nguyễn Văn R, Nguyễn Quang H, Nguyễn Văn U đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 16 giờ 30 phút đến khoảng 18 giờ 00 phút ngày 16/01/2021 tại nhà chị N do U quản lý trông giữ. Bùi Ngọc T có đem 01con gà tía và rủ Bùi Quang A đem 01 con gà ô đến nhà chị N đá gà mục đích cá cược ăn tiền, U đồng ý cho T đánh bạc với hình thức đá gà ăn tiền và cho mượn địa điểm, chuẩn bị cân đồng hồ cân gà, đồng hồ tính thời gian khi gà tía của T đá với gà ô của A. Tổng số tiền T tham gia cá cược là 8.000.000đồng, số tiền thực tế đánh bạc là 4.000.000đồng. Tổng số tiền A tham gia cá cược là 15.000.000đồng, số tiền thực tế đánh bạc là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền R tham gia cá cược là 16.100.000đồng, số tiền thực tế R đánh bạc là 11.100.000đồng. Tổng số tiền S tham gia cá cược là 13.200.000đồng, số tiền thực tế S đánh bạc là 8.350.000đồng. Tổng số tiền H tham gia cá cược là 6.500.000đồng, số tiền thực tế H đánh bạc 4.000.000đồng. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo T, A, R, H và S sử dụng vào việc đánh bạc là 37.450.000đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã cấu thành tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp

sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là không oan sai. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng thừa nhận Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội đánh bạc là đúng.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy:

- Đối với kháng cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt tù và xin hưởng án treo của bị cáo Bùi Ngọc T: Bị cáo Bùi Ngọc T là đối tượng khởi xướng việc đá gà, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T 11 tháng tù là không cao nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về giảm nhẹ hình phạt tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo nộp Giấy chứng nhận thương binh hạng ¾ của bố là ông Bùi Văn S, như vậy xác định bị cáo là con thương binh, thuộc diện gia đình chính sách (đây là tình tiết mới chưa được xem xét tại cấp sơ thẩm) nên bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định nên khoan hồng, cho bị cáo được hưởng án treo có sự giám sát của gia đình và địa phương nơi cư trú cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo, đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo chăm sóc bố là thương binh. Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

- Đối với kháng cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt tù và xin hưởng án treo của bị cáo Bùi Quang A: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với Bùi Quang A xử phạt bị cáo Tạo 09 tháng tù chưa áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng cho bị cáo là thiếu sót cần rút kinh nghiệm, nay áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo A xuất trình Quyết định về việc quân nhân xuất ngũ thể hiện bị cáo tham gia nghĩa vụ quân sự từ năm 2010-2012. Bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có tiền sự chưa được xóa và bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù là phù hợp với mức án của các bị cáo khác nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Đối với kháng cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt tù và xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Quang H: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhiệm trách nhiệm hình sự qui định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Quang H. Tại phiên tòa bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, lịch sử bản thân của bị cáo đã rất nhiều lần bị Tòa án xét xử và bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt hành chính nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Nguyễn Quang H 08 tháng tù

là phù hợp, cần giữ nguyên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Đối với kháng cáo về việc xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn U: Bị cáo là người chứa chấp, tạo điều kiện tích cực cho hoạt động đá gà tại nơi mình quản lý. Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng cho bị cáo là thiếu sót cần rút kinh nghiệm, tuy nhiên việc xử phạt Nguyễn Văn U 07 tháng tù là phù hợp vì bị cáo đồng phạm tích cực, chuẩn bị các loại phương tiện, địa điểm để rất nhiều bị cáo tham gia đánh bạc, gây mất trật tự trị an tại địa phương, cần giữ nguyên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Đối với kháng cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt tù và xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn R: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn R 08 tháng tù là không cao nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về giảm hình phạt tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo nộp Bằng tổ quốc ghi công Nguyễn Tiến Đ là chú ruột bị cáo đã hi sinh trong kháng chiến chống Mỹ, hiện gia đình bị cáo đang thờ cúng (có xác nhận của UBND phường V, thành phố P), như vậy bị cáo thuộc gia đình có công với cách mạng, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định nên khoan hồng, cho bị cáo được hưởng án treo có sự giám sát của gia đình và địa phương nơi cư trú cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội. Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên là phù hợp cần chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm:

- Kháng cáo của các bị cáo H, A, U không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

- Kháng cáo của các bị cáo T, R được chấp nhận các bị cáo này không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Quang A, Nguyễn Quang H và Nguyễn Văn U giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2021/HS-ST ngày 17

tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc đối với các bị cáo Bùi Quang A, Nguyễn Quang H và Nguyễn Văn U.

1.1. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Quang A 09 (Chín) tháng tù về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

1.2. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H 08 (Tám) tháng tù về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

1.3. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn U 07 (Bảy) tháng tù về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Bùi Ngọc T và bị cáo Nguyễn Văn R sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2021/HS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc về phần hình phạt đối với các bị cáo Bùi Ngọc T và bị cáo Nguyễn Văn R.

2.1. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T 11 (Mười một) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 10 (Mười) tháng về tội "Đánh bạc", thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2.2. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn R 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng về tội "Đánh bạc", thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

3. Giao bị cáo Bùi Ngọc T cho Uỷ ban nhân dân phường B, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; giao bị cáo Nguyễn Văn R cho Ủy ban nhân dân phường V thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

4. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Bùi Quang A, Nguyễn Quang H, Nguyễn Văn U mỗi bị

cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Bùi Ngọc T và Nguyễn Văn R không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND thành phố P;
- VKSND thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- UBND phường B, TP P;
- UBND phường V, TP P;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Vĩnh Thành